

Bản án số: 16/2021/HS-ST

Ngày 27-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Ngọc Thương.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Sinh;

2. Ông Hà Văn Lớn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Hà Văn L; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1990; Nơi sinh: xã P, huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản T, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn N, sinh năm 1950 và bà Vì Thị L, sinh năm 1953; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 28/02/2019 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 03/3/2021 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn L: Ông Cầm Trọng T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị hại: Ông Hà Văn N; Sinh năm 1950; Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lò Văn D; Sinh năm 1987; Địa chỉ: Bản S, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Hà Văn N là bố đẻ của Hà Thị T có 01 con trâu đực buộc ở gốc cây nhãn của chị T. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 30/12/2020 Hà Văn L (là con trai của Hà Văn N) đến nhà chị Hà Thị T tại bản T, xã P, quan sát xung quanh thấy không có người, L liền dắt 01 con trâu đực, lông màu đen đang buộc tại gốc cây nhãn nhà chị T. Sau khi dắt trâu đi L gọi điện cho Tòng Văn T, trú tại bản K, xã C lái thuyền máy trở L cùng con trâu đến bản S, xã C, khi đến bản S, L dắt trâu đến nhà anh Lò Văn D, vì trước đó L đã gọi điện thoại và bảo D đến xem trâu nhưng do giá cả không hợp lý nên D không mua, tại đây L bán con trâu cho anh D với số tiền 25.500.000 đồng. Sau khi bán trâu xong L đi chơi ở huyện M, tỉnh Sơn La.

Ngày 31/12/2020 ông Hà Văn N phát hiện 01 con trâu của gia đình ông buộc tại cây nhãn nhà chị Hà Thị T bị mất, ông N đã đi tìm và được biết con trâu của ông đã bị Hà Văn L trộm đem đi bán cho Lò Văn D với số tiền 25.500.000 đồng, ông Hà Văn N đã trình báo việc bị mất trộm con trâu với cơ quan Cơ quan CSĐT Công an huyện B, ngày 02/01/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tạm giữ con trâu do Lò Văn D giao nộp và giao cho ông Hà Văn N quản lý, chăn nuôi. Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện B, Hà Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình và đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím, Model 106.1.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 phong bì thư của Công an huyện B được niêm phong; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím, Model 106.1.

Ngày 11/01/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 01/YC đối với con trâu. Ngày 22/01/2021, Hội đồng định giá tài sản huyện B có bản kết luận định giá tài sản số: 68/KL-HĐĐG, kết luận: 01 con trâu đực, lông màu đen, 03 năm tuổi trị giá 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

Tại phiên tòa công khai bị cáo Hà Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS-BY ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, truy tố bị cáo Hà Văn L phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo theo nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hà Văn L mức án tù từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận bị cáo Hà Văn L đã tự nguyện trả

lại đủ số tiền 25.500.000 đồng cho anh Lò Văn D. Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện B thu hồi hoàn trả cho ông Hà Văn Nội 01 con trâu.

Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì thư của Công an huyện B được niêm phong; tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím, Model 106.1. Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện B trả lại 01 con trâu đực, lông màu đen, 03 năm tuổi, trị giá 35.000.000 đồng cho ông Hà Văn N vào ngày 02/01/2021.

Miễn án phí cho bị cáo Hà Văn L.

Ông Cầm Trọng T – Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Hà Văn L trình bày ý kiến tranh luận: Bị cáo L sau khi phạm tội bị cáo tích cực bồi thường thiệt hại, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, là người dân tộc sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án 24 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, những vấn đề khác theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo tranh luận: Nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo làm lại cuộc đời trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị hại – ông Hà Văn N trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Tôi đã nhận lại được con trâu, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Lò Văn D trình bày: anh đã nhận đủ số tiền 25.500.000 đồng bị cáo đã bồi hoàn cho anh, anh không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền gì khác.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lò Văn D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Việc anh D vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Phiên tòa xét xử vắng mặt anh D đảm bảo theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Hà Văn L, có đủ cơ sở để khẳng định:

Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Hà Văn N, ngày 30/12/2020, bị cáo Hà Văn L đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 con trâu đực, lông màu đen, 03 năm tuổi trị giá 35.000.000 đồng, đem bán cho anh Lò Văn D ở bản S, xã C với giá 25.500.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*). Sau khi bán được trâu L đã đi chơi ở huyện M chi tiêu hết 2.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 68/KL-HĐĐG, ngày 22/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: “01 (*Một*) con trâu đực, lông màu đen, 03 năm tuổi trị giá 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*)..

Hành vi trên của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của ông Hà Văn N là bố đẻ của bị cáo, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn huyện Bắc Yên. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự lẽ ra phải cố gắng tu dưỡng đạo đức, nhưng lại ăn chơi, đua đòi, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hà Văn L đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, việc xét xử bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai..

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án: Bị cáo chiếm đoạt 01 con trâu đực, lông màu đen, 03 năm tuổi trị giá 35.000.000 đồng, thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, giá trị tài sản quy định trong khung hình phạt tại khoản 1, điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hà Văn L: Bị cáo có 01 tiền án, ngày 28/02/2019 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên xử phạt 15 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, do đó áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi hoàn cho anh Lò Văn D số tiền 25.500.000 đồng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo là người dân lao động, dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, nhận thức và am hiểu pháp luật có phần hạn chế, người bị hại xin

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo Hà Văn L được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: bị cáo không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo Hà Văn L.

[5] Về biện pháp ngăn chặn: Bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hà Văn L đã tự bồi thường cho anh Lò Văn D số tiền số tiền 25.500.000 đồng. Anh D đã nhận đủ tiền, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Xét ý kiến trên là hoàn toàn tự nguyện cần được ghi nhận và không đặt ra xem xét giải quyết vấn đề bồi thường, bồi hoàn.

[7] Về vật chứng của vụ án: 01 phong bì thư của Công an huyện B được niêm phong, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím, Model 106.1 là phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện B trả lại 01 con trâu đực, lông màu đen, 03 năm tuổi, trị giá 35.000.000 đồng cho ông Hà Văn N vào ngày 02/01/2021.

Căn cứ vào điểm a khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý.

[8] Đối với Lò Văn D là người mua con trâu do bị cáo Hà Văn L trộm cắp được. Tuy nhiên, khi mua anh D hoàn toàn không biết và bị cáo L cũng không nói cho anh D biết tài sản do trộm cắp mà có. Do vậy cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bản thân bị cáo Hà Văn L là người dân tộc thiểu số sống ở xã P là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo Quy định số 900/QĐ – TTg, ngày 20/6/2017; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Hà Văn L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hà Văn L 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thụ hình tính từ ngày 03/3/2021 là ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, ghi nhận bị cáo Hà Văn Liên đã tự nguyện bồi thường cho anh Lò Văn D số tiền 25.500.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*)(*Biên bản thỏa thuận ngày 16/01/2021*). Anh Lò Văn D không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì thư của Công an huyện B được niêm phong.

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím, Model 106.1.

Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện B trả lại cho ông Hà Văn N 01 con trâu đực, lông màu đen, 03 năm tuổi trị giá 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) vào ngày 02/01/2021.

(*Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2021 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La*).

4. Về Án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho bị cáo Hà Văn L.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, nhận bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*đã ký*)

Cầm Ngọc Thương